

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai xử lý tài sản công năm 2024 của
Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 151/2017NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai xử lý tài sản công trong năm 2024 của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh.

(theo biểu Mẫu số 09d đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Kế hoạch Tài chính và các Phòng liên quan thuộc trung tâm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu :VT, KT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Hương

Bộ, tỉnh: Tỉnh Hà Tĩnh
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh
Mã đơn vị: 1084436
Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	791.934	46.480	59.080												
1	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
8	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
9	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
10	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
11	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
12	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
13	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
14	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
15	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
16	Bàn hội trường	4.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
17	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
18	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
30	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
31	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
40	Bàn làm việc chia ô vách ngăn	3.969								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
42	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
44	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
45	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
46	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
47	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
48	Bàn làm việc Hoà phát HR140C6	2.618								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
49	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
50	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
51	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
52	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
53	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
54	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
55	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
56	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
57	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
58	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
59	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
60	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
61	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
62	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
63	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
64	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
65	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
66	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
67	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
68	Bàn làm việc nội thất	4.114								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
69	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
70	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
71	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
72	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
73	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
74	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
75	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
76	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
77	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
78	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
79	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
80	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
81	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
82	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
83	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
84	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
85	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
86	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
87	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
88	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
89	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
90	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
91	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
92	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
93	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
94	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
95	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
96	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
97	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
98	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
99	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
100	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
101	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
102	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
103	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
104	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
105	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
106	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
107	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
111	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
112	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
113	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
114	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
115	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
116	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
117	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
118	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
119	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
120	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
121	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
122	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
123	Bàn máy tính	2.035								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
124	Bộ bàn ghế họp	24.504								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
125	Bộ bàn ghế tiếp khách		7.930	6.939						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
126	Cây nóng lạnh hút bình Karofi HC18	7.850		4.710						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
127	Ghế gấp	83.200								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
128	Ghế hợp xuân hoà (15)	12.375								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
129	Ghế xuân hoà G22	73.150								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
130	Ghế xuân hoà G22 (10)	3.850								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
131	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
132	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
133	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
134	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
135	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
136	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
137	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
138	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
139	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
140	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
141	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
142	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
143	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
144	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
145	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
146	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
147	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
148	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
149	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
150	Màn hình máy tính Dell	1.650		28						x	Ghi giảm thành CCDC					
151	Máy in canon	5.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
152	Máy in canon	7.250		1.571						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
153	Máy in canon	7.250		1.571						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
154	Máy in canon	5.800								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
155	Máy in Canon 226DW	7.800		4.680						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
156	Máy in Canon 226DW	7.800		4.680						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
157	Máy in canon 2900	3.685								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
158	Máy in canon 2900	3.685								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
159	Máy in canon 2900	3.685								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
160	Máy in Canon LBP 223DW		6.050	4.840						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
161	Máy may 1 kim điện công nghiệp		6.500	5.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
162	Máy may 1 kim điện công nghiệp		6.500	5.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
163	Máy may 1 kim điện công nghiệp		6.500	5.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
164	Máy may 1 kim điện công nghiệp		6.500	5.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
165	Máy may 1 kim điện công nghiệp		6.500	5.850						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
166	Quạt nước Nakami NK	17.400		290						x	Ghi giảm thành CCDC					
167	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
168	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
169	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
170	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
171	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
172	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
173	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
174	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
175	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
176	Tủ hồ sơ Hoà Phát CAT09K3B	4.125								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
177	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
178	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
179	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
180	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
181	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
182	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
183	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
184	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
185	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
186	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
187	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
188	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
189	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
190	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
191	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
192	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
193	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
194	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
195	Tủ tài liệu TS-03	3.000								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Ánh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Hương

